

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 68/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13-08-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Thọ - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Hùng và bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Ngày 13 tháng 08 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 304/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 07 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 08 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị V; nơi cư trú: Xóm R, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trần Duy T; nơi cư trú: Xóm R, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 06 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Cao Thị V trình bày:

Chị và anh Trần Duy T đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Y vào ngày 25 tháng 03 năm 2009.

Trước khi đăng ký kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, không ai, lừa dối, ép buộc.

Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn cho tới nay.

Nguyên nhân: Tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh T không tôn trọng Chị, thiếu trách nhiệm, còn đánh đập Chị.

Chị đã về ngoại sống ly thân từ tháng 06/2013 đến nay.

Hai bên nội ngoại đã hòa giải nhưng không được.

Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về nuôi con: Chị và anh T có 02 con chung.

Trần Duy M, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2010.

Trần Ngọc Nh, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2012.

Các cháu khỏe mạnh, đang ở với Chị.

Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 18 tháng 07 năm 2019 và trong quá trình hòa giải, bị đơn anh Trần Duy T trình bày:

Anh và chị Cao Thị V đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Y vào ngày 25 tháng 03 năm 2009.

Trước khi đăng ký kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, không ai, lừa dối, ép buộc.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn cho tới nay.

Nguyên nhân: Tính tình chồng không hợp nhau, Chị V lười nhác, thiếu trách nhiệm, không chăm lo đến gia đình, Anh nói không nghe mà còn chống đối nên anh bức xúc và có đánh chị V.

Chị đã về ngoại sống ly thân từ năm 2014 đến nay.

Hiện nay tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng Anh vẫn còn tình cảm với chị V và nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy các con.

Nếu chị V cứ bỏ đi không chịu về và cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con: Anh và chị V có 02 con chung.

Trần Duy M, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2010.

Trần Ngọc Nh, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2012.

Các cháu khỏe mạnh, đang ở với chị V.

Nếu ly hôn Anh có nguyện vọng giao 02 con chung cho chị V nuôi dưỡng và Anh xin hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì Anh còn gặp khó khăn.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến trình bày của chị V tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]Về tố tụng:

Bị đơn anh Trần Duy T đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2]Về Hôn nhân: Chị Cao Thị V và anh Trần Duy T được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68/2009 ngày 25 tháng 03 năm 2009, thủ tục, điều kiện kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình vợ chồng không hợp nhau, hai bên không có trách nhiệm với nhau, chị V bảo thủ anh T nói không nghe nên anh T đã đánh đập chị V nhiều lần.

Vợ chồng sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ từ năm 2014 đến nay.

Ủy ban nhân dân xã T đã xác nhận tình trạng hôn nhân và con chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã kiên trì vận động thuyết phục chị V đoàn tụ gia đình nhưng chị V không chấp nhận.

Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị V đã thỏa mãn những căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đủ cơ sở chấp nhận cho ly hôn.

[3]Về nuôi con: Vợ chồng có hai con chung.

Trần Duy M, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2010.

Trần Ngọc Nh, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2012.

Chị V đang nuôi 02 con chung.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị V có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và anh T có nguyện vọng giao 02 con chung cho chị V nuôi dưỡng, các cháu có nguyện vọng ở với chị V, để ổn định cuộc sống cho cháu và quyền lợi mọi mặt cho các cháu nên căn cứ Điều 81 luật hôn nhân và gia đình giao chị V tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Duy M và Trần Ngọc Nh.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con cho anh Trần Duy T đến khi chị Cao Thị V yêu cầu.

[4]Về chia tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị V, anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]Về án phí: Chị V phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 273; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị V.

1. Về Hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cao Thị V và anh Trần Duy T.

2. Về nuôi con:

Giao hai 02 con chung Trần Duy M, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2010 và Trần Ngọc Nh, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2012 cho chị Cao Thị V tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con cho anh Trần Duy T đến khi chị Cao Thị V yêu cầu.

Anh Trần Duy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị V, anh T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con trên cơ sở lợi ích của con.

3. Án phí: Chị Cao Thị V phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007454 ngày 10 tháng 07 năm 2019 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Yên Thành. Chị Cao Thị V đã nộp đủ án phí.

4. Thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Yên Thành;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu kết quả;
- Đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ